

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07-3-2019

*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Hà Văn Châu

2/. Ông Huỳnh Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 07/3/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 291/2018/TLST-HNGĐ ngày 19/12/2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/2/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lâm Minh T**, địa chỉ: Số BHB đường LTK, khóm H, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Lâm Kiều M**, địa chỉ thường trú: Số BHB đường LTK, khóm H, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Số SB/NB đường LĐT, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2018 và lời trình bày của của ông Lâm Minh T tại văn bản ngày 02/01/2019 thì:

Ông T và bà Nguyễn Lâm Kiều M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thị xã Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận kết hôn số NB, quyển số B/CC ngày 22/11/1999. Trong thời gian chung sống, ông bà có hai người con chung là cháu Lâm Minh T1 (nam, sinh ngày 28/10/2000) và cháu

Lâm Minh T2 (nam, sinh ngày 06/3/2006), nhưng không có tài sản chung và nợ chung.

Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì ông T và bà M phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà M và trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Kèm theo đơn khởi kiện, ông Lâm Minh T đã nộp một bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số NB, quyển số B/CC thể hiện ông T và bà Nguyễn Lâm Kiều M đăng ký kết hôn vào ngày 22/11/1999 tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thị xã Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Hai bản sao chứng thực Giấy khai sinh thể hiện ông T và bà M có hai người con chung là cháu Lâm Minh T1 (nam, sinh ngày 28/10/2000) và cháu Lâm Minh T2 (nam, sinh ngày 06/3/2006).

- Theo ý kiến của bà Nguyễn Lâm Kiều M tại văn bản ngày 10/01/2019 thì bà cũng đồng ý ly hôn với ông T và giao cháu T2 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Theo kết quả ghi nhận ý kiến ngày 04/01/2019 thì cháu Lâm Minh T2 có nguyện vọng tiếp tục được sống chung ông T tại nhà số BHB đường LTK, khóm H, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Theo kết quả xác minh ngày 11/02/2019 thì Ban nhân dân Khóm H, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng không rõ nguyên nhân ông T và bà M phát sinh tranh chấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Các tình tiết đã được các bên thống nhất: Bà Nguyễn Lâm Kiều M đồng ý ly hôn với ông Lâm Minh T và giao cháu Lâm Minh T2 (nam, sinh ngày 06/3/2006) cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Lâm Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với bà Nguyễn Lâm Kiều M và bà M có địa chỉ thường trú trên địa bàn thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông T, bà M đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Theo các tình tiết đã được các bên thống nhất, căn cứ khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định:

[3.1] Ông Lâm Minh T và bà Nguyễn Lâm Kiều M xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp với quy định về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 22/11/1999 tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thị xã Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận kết hôn số NB, quyển số B/CC nên hợp pháp theo quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986.

[3.2] Nhưng sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Đây là nguyên nhân làm cho hôn nhân của ông T, bà M lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận cho ông T ly hôn với bà M.

[3.3] Về con chung, do yêu cầu nuôi con của ông T được bà M thống nhất và phù hợp với nguyện vọng của cháu Lâm Minh T2 nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giao cháu T2 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Riêng cháu Lâm Minh T1 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết việc nuôi con.

[3.4] Về cấp dưỡng nuôi con, ông T tự nguyện không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi cháu T2 nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.5] Bà M có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu T2 theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do ông T, bà M đều tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Minh T và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Minh T phải chịu là 300.000 đồng theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 95, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm

2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Minh T:

1.1/. Về quan hệ vợ chồng: Ông Lâm Minh T được ly hôn với bà Nguyễn Lâm Kiều M.

1.2/. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao cháu Lâm Minh T2 (nam, sinh ngày 06/3/2006) cho ông Lâm Minh T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Lâm Kiều M không phải cấp dưỡng nuôi cháu Lâm Minh T2.

Bà Nguyễn Lâm Kiều M có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Lâm Minh T2 theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1.3/. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lâm Minh T, bà Nguyễn Lâm Kiều M tự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Minh T phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004787 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Ông Lâm Minh T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3/. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Khương